

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G**

Bản án số: 37/2020/HS-ST

Ngày: 25/9/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 1, thị trấn Đ Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đa; sinh ngày 04/01/2003 tại G; nơi cư trú: Tổ 6, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G; nghề nghiệp: Đang học sửa xe ô tô; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C và bà Ch; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/3/2020 đến ngày 26/3/2020 được thay đổi biện pháp pháp ngăn chặn, hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. A; sinh ngày 13/12/2003 tại G; nơi cư trú: Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Đang học nghề làm tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Công Đài và bà L; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đa và A:* Ông Thiều Hữu Minh - Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị D, sinh ngày 27/11/2004. Trú tại: Thôn Kinh Siu, xã Chư Pong, huyện Chư Sê, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị hại chị D – là mẹ của chị D:* Bà Du, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn Kinh Siu, xã Chư Pong, huyện Chư Sê, tỉnh G. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Ch, sinh năm 1977 - *Đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Đa – là mẹ của Đa.* Trú tại: Tổ 6, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

2. Bà L, sinh năm 1977 - *Đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho bị cáo A – là mẹ của A.* Trú tại: Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ Đ, tỉnh G. Có mặt.

3. Ông C, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ 6, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, Đa điều khiển xe mô tô biển số 81B1-635.57 chở A đi từ thành phố P về nhà của Kim A theo đường Quốc lộ 19 rẽ vào ngã ba La Sơn về thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ Đ. Khi đi gần đến ngã tư đường tránh huyện Đ Đ với đường liên xã thuộc địa phận thôn Hàm Rồng thì Đạt phát hiện chị D (sinh ngày 27/11/2004, trú tại thôn Kinh Siu, xã Chư Pong, huyện Chư Sê) điều khiển xe máy biển số 81AB-013.56 đi cùng chiều phía trước, túi quần sau chị Duyên có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7. Đạt có nói với Kim A: “*A lấy điện thoại của con bé kia nghe*”. Kim A trả lời: “*Để về xin mẹ mua*”. Đạt nói: “*Điện thoại mẹ mới mua cho, giờ xin nữa mẹ không cho đâu*”. Nghe vậy Kim A nói: “*Em không biết nữa, A giật đi, đây trong xóm em, em không giám đâu*”. Ngay lúc này, hai xe cũng vừa đi đến ngã tư đường nên xe của chị Duyên đi chậm lại và xe của Đạt điều khiển cũng vừa đi tới. Đạt liền điều khiển cho xe ép sát về bên trái xe của chị Duyên (theo hướng đi), rồi dùng tay phải rút chiếc điện thoại phía sau túi quần của chị Duyên. Do lúc này xe chị Duyên đang dần đi chậm lại còn

xe của Đạt vẫn chạy bình thường nên sau khi Đạt giật được chiếc điện thoại thì xe của Đạt đã vượt lên, còn chị Duyên biết bị giật điện thoại nên cho xe dừng lại tại ngã tư. Đạt cầm chiếc điện thoại của chị Duyên bằng các đầu ngón tay phải và dùng lòng bàn tay để tăng ga cho xe vượt hẳn lên phía trước. Khi gần qua hết ngã tư thì Đạt điều khiển xe của mình rẽ phải theo hướng đi, đồng thời tay phải vừa cầm điện thoại vừa điều khiển xe, còn tay trái buông tay lái xe mô tô ra để lấy chiếc điện thoại từ tay phải. Do lúc này Kim A ngồi phía sau ở tư thế tay phải đè trên đùi phải của Kim A còn tay trái đang ôm eo tại vị trí hông bên trái của Đạt. Sau khi cầm điện thoại bằng tay trái, Đạt liền đưa chiếc điện thoại mới cướp giật được ra phía sau ngay vị trí tay trái của Kim A đang ôm eo. Kim A cầm chiếc điện thoại này bằng tay trái rồi cho cả tay và điện thoại vào trong túi áo khoác của Đạt. Ngay khi bị giật điện thoại, chị Duyên dừng xe lại và hô “*Cướp*”, “*Cướp*” nên các đồng chí Cảnh sát giao thông Công an huyện Đ Đ đang làm nhiệm vụ gần đây sử dụng xe mô tô chuyên dụng để đuổi theo Đạt và Kim A. Khi phát hiện thấy có lực lượng Cảnh sát giao thông đuổi theo, Đạt nói với Kim A: “*Em rút điện thoại đi*” nên Kim A (lúc này đang cầm chiếc điện thoại trong túi áo khoác của Đạt) rút chiếc điện thoại ra và ném về bên trái theo hướng đi. Cùng lúc, các đồng chí Cảnh sát giao thông đuổi kịp, ép xe mô tô do Đạt điều khiển lại và bắt giữ cả hai. Ngay sau đó, Đạt, A cùng toàn bộ tang vật là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 bị vỡ màn hình và chiếc xe mô tô biển số 81B1-635.57 được giao cho Công an xã Ia Băng, huyện Đ Đ lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Kết luận định giá số 57 ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ Đ, tỉnh G kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 nêu trên có trị giá là 2.960.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại chị D số tiền 4.000.000 đồng. Chị Duyên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, các bị cáo đồng ý với kết luận định giá và không có ý kiến gì khác.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Đa và bị cáo A về tội “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” và “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đa và bị cáo A và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Đa, A;

Xử phạt bị cáo Đa từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù.

Xử phạt bị cáo A từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Đa và bị cáo A thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ về tội dA, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo A khi thực hiện hành vi phạm tội không nhận thức hết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Kim A có hành vi giúp sức giữ điện thoại cướp giật cho bị cáo Đạt, nhưng thời gian bị cáo Đạt thực hiện hành vi cướp giật tài sản xảy ra quá nhA vì vậy bị cáo Kim A chưa kịp thời can ngăn bị cáo Đạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định khung hình phạt cho bị cáo Kim A áp dụng thêm quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị: Xử phạt bị cáo Đa mức án không quá 18 (mười tám) tháng tù; Xử phạt bị cáo A mức án không quá 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ giữ nguyên đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo A.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đa, bị cáo A, đại diện hợp pháp của hai bị cáo nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát và bản luận cứ của người bào chữa.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại đường liên xã thuộc địa phận thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ Đ, tỉnh G, Đa điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade biển số 81B1-635.57 chở A thực hiện hành vi cướp giật của chị D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 trong khi chị Duyên cũng đang điều khiển xe máy đi trên đường. Qua định giá kết luận kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 có trị giá là 2.960.000 đồng.

Như vậy, hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo Đa và A đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.
- Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Đa và A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đã có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo A có ông nội, ông ngoại là người có công với Cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến. Vì vậy, cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91, Điều 98 và Điều 101 thuộc Chương XII của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Đa và A có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho hai bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:*

Đây là vụ án có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự câu kết chặt chẽ nên là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Đối với bị cáo Đa là người khởi xướng việc phạm tội quá trình phạm tội rất tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo A là đồng phạm trong vụ án, tham gia trong vụ án với vai trò là người giúp sức, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra.

Hành vi của bị cáo Đa và A là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hai bị cáo sử dụng phương tiện là xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản trong khi người bị hại cũng đang điều khiển xe mô tô đi trên đường. Mặt khác, bị hại là D sinh ngày 27/11/2004, tính đến ngày các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị hại mới 15 năm 3 tháng 21 ngày tuổi. Vì vậy, hành vi của hai bị cáo đã phạm vào tội: “*Cướp giật tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” và “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, gia đình các bị cáo Đa và A đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong về dân sự với gia đình bị hại. Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Vật chứng thu giữ được:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi7 bị vỡ màn hình là của D. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đao đã trả lại cho chị Duyên là có cơ sở.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81B1-635.57 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, qua điều tra đã xác định chiếc xe này là của ông C (cha của bị cáo Đa). Tuy nhiên, việc Đạt tự ý lấy chiếc xe này để sử dụng sau đó làm phương

tiện đi cướp giật tài sản, ông Châu không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đak Đao đã trả lại chiếc xe này cho ông Châu là có cơ sở.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Đa và A;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội dA:

Tuyên bố các bị cáo Đa và A phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đa 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ (từ ngày 20/3/2020 đến ngày 26/3/2020).

Xử phạt bị cáo A 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí:

Án phí hình sự: Đa và A mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ Đ;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Hoài Thơ**